ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 90 /2026/QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ tuyển sinh, các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi đối với dịch vụ tuyển sinh, các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trong cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15 và điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 66/2026/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trẻ em mầm non, học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục này và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Danh mục các khoản thu, mức thu

Danh mục các khoản thu, mức thu đối với dịch vụ tuyển sinh, các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Cần Thơ, như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức trần (*nghìn đồng*)
1	Dịch vụ tuyển sinh trung học phổ thông	Thí sinh/đợt tuyển sinh	Thi tuyển: 210 Xét tuyển: 105
2	Dịch vụ ăn uống, bán trú cấp mầm non		
a	Dịch vụ ăn uống bữa sáng	Ngày/trẻ em	17
b	Dịch vụ ăn uống bán trú (bao gồm bữa ăn chính và bữa phụ (bữa xế))	Ngày/trẻ em	33
c	Dịch vụ bán trú	Tháng/trẻ em	Xã: 390 Phường: 420
3	Dịch vụ ăn uống, bán trú cấp tiểu học, trung học cơ sở		
a	Dịch vụ ăn uống bán trú (bao gồm bữa ăn chính và bữa phụ (bữa xế))	Ngày/học sinh	40
b	Dịch vụ bán trú	Tháng/học sinh	Xã: 360 Phường: 390
4	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em mầm non các ngày nghỉ, nghỉ hè	Ngày/trẻ em	65
5	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc học sinh tiểu học các ngày nghỉ, nghỉ hè	Ngày/học sinh	55
6	Hoạt động ngoại khóa, kỹ năng sống		
a	Kỹ năng sống	Tiết/học sinh, học viên	Xã: 18 Phường: 20
b	Hoạt động ngoại khóa	Tiết/trẻ em, học sinh, học viên	Xã: 38 Phường: 40
7	Dịch vụ công nghệ, học tập số	Tiết/Trẻ em, học sinh, học viên	Xã: 45 Phường: 50
8	Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác (Dịch vụ ký túc xá trường chuyên)	Tháng/học sinh	130

Điều 3. Cơ chế quản lý thu, chi

1. Việc quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ tuyển sinh, dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí phải thực hiện đúng quy định, mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh; phải công khai theo quy định pháp luật.

2. Các khoản thu, chi được hạch toán, quản lý, sử dụng và công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Căn cứ mức trần quy định tại Điều 2 Quyết định này, tùy điều kiện cơ sở vật chất, quy mô tổ chức thực hiện và nhu cầu thực tế của trẻ em, học sinh, học viên, hằng năm, các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán chi phí để xác định mức thu cụ thể; bảo đảm tính phục vụ, thu bù chi, không tích lũy, không tạo thặng dư; thống nhất mức thu trong cơ sở giáo dục và không vượt mức trần quy định tại Điều 2 Quyết định này.

4. Đối với dịch vụ tuyển sinh trung học phổ thông, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng dự toán tổ chức tuyển sinh hằng năm trên cơ sở phương thức tuyển sinh, số lượng thí sinh, số phòng thi, số điểm thi, khối lượng công việc và chi phí trực tiếp phục vụ công tác tuyển sinh. Mức thu cụ thể được xác định thống nhất trên địa bàn thành phố, bảo đảm không vượt mức trần quy định tại Điều 2 Quyết định này. Khoản thu được quản lý, sử dụng, công khai và quyết toán theo quy định, bảo đảm nguyên tắc thu bù chi, không tích lũy, không tạo thặng dư.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày22 tháng 9 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng sở, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT: TU, HĐND, UBND TP;
- UBMTTQVNTP và TCCT-XH TP;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND xã, phường;
- Công báo TP;
- VP UBND TP (3C);
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, Nghiêm.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Nguyễn Văn Khởi